

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/09/2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nhâm Đức Hùng**

2. Ông **Danh Chung**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông **Lâm Sễn** – Kiểm Sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Số nhà 180, ấp TY, xã BT, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu phố ML, thị trấn ML, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Ông T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/05/2022, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*

Bà Lê Thị T cùng với ông Lê Văn T đã kết hôn vào ngày 9 tháng 03 năm 2005 theo giấy chứng nhận kết hôn số: 06/2005 tại UBND xã BT, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 01 người con chung tên Lê Nhã U, sinh năm 16/05/2007 hiện đang sống với bà T. Về tài sản chung và nợ chung, trong thời gian chung sống vợ chồng bà không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, đối xử thiếu tôn trọng nhau, ông T không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, mặc khác ông T có người phụ nữ khác (bà bắt gặp ông T nhắn tin với người phụ nữ khác) và mê bao lô số đề. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ông bà đã ly thân nhau từ khoảng tháng 10/2021 đến nay nên bà làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời tại đơn khởi kiện đề ngày 06/05/2022, bản tự khai ngày 24/5/2022 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 18/08/2022 bà T có trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T;
- Về việc nuôi con chung: Có 01 người con chung là cháu tên Lê Nhã U, sinh năm 16/05/2007 hiện đang sống cùng bà T. Tùy quyết định của con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thông báo thụ lý vụ án ông T nhận được nhưng không làm bản tự khai và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng bà Lê Thị T và ông Lê Văn T có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt. Trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án cũng đã triệu tập ông T đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả xác minh Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.*

** Biên bản xác minh phó Ban lãnh đạo Khu phố ML, thị trấn ML, huyện Châu*

Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 26/8/2022:

Đương sự Lê Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố ML, thị trấn ML, huyện Châu Thành, Kiên Giang, hiện nay ông T vẫn còn ở địa phương nhưng do công việc nên cuối ngày mới có mặt ở nhà.

** Biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 18/08/2022:* Cháu Lê Nhã U có nguyện vọng được mẹ là bà Lê Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành-tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lê Văn T. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Nhã U, sinh năm 16/05/2007 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bởi vì kể từ sau khi bà T và ông T ly thân thì bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu U, đồng thời cháu cũng có nguyện vọng muốn được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do đó cần giao cháu U cho bà T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu U và phù hợp với quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị T xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với ông Lê Văn T, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, đồng thời bị đơn ông Lê Văn T có địa chỉ cư trú tại khu phố ML, thị trấn ML, huyện Châu Thành, Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự:

Nguyên đơn bà Lê Thị T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T xác định ông bà xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/03/2005 tại UBND xã BT, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà T và ông T là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T: Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị T xác nhận sau khi cưới thì ông bà sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, đối xử thiếu tôn trọng nhau, ông T không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, mặc khác ông T có người phụ nữ khác bên ngoài (bà bắt gặp ông T nhắn tin với người phụ nữ khác) và mê bao lô số đề. Cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng ông bà đã ly thân nhau từ khoảng tháng 10/2021 đến nay. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên bà T và ông T hàn gắn đoàn tụ nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để ông T có mặt tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chứng tỏ ông T không muốn gặp mặt để hòa giải đoàn tụ với bà T. Tại buổi hòa giải ngày 18/8/2022, bà T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T và trên thực tế ông bà đã ly thân khoảng hơn 07 tháng cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã đến mức trầm trọng và bà Thẩm không còn tự nguyện chung sống với ông T nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc xin ly hôn với ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Bà Lê Thị T xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 01 người con chung là cháu Lê Nhã U, sinh năm 16/05/2007 hiện đang sống cùng bà T. Bà T đồng ý nuôi dưỡng cháu U và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ khi ly thân cho đến nay bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu U, đồng thời cháu U có nguyện vọng muốn được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu U cho bà T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sống của cháu U là phù hợp với nguyện vọng của cháu U và cũng phù hợp với quy định định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: do bà T tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị T xác nhận và cam kết rằng ông bà không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 58 và các Điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” với ông Lê Văn T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị T và ông Lê Văn T

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nhã U, sinh ngày 16/05/2007 cho bà Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu U) và bà T tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị T xác nhận là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. (Miễn xét)

4. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng bà được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009351 ngày 10/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà T không phải nộp thêm (đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Bàn Thạch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh

